

CHÍNH SÁCH XÂY DỰNG XÃ HỘI CÔNG BẰNG, ỔN ĐỊNH, BÌNH ĐẲNG CỦA TRẦN NHÂN TÔNG VÀ MỘT SỐ GỢI MỞ CHO VIỆC XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH BẢO ĐẢM AN NINH CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Tran Nhan Tong's policy on building a justice, stable and equal society,
thereby proposing a number of policies that contribute to ensuring human
security in Vietnam today*

Lê Nho Minh^{1*}, Đỗ Thị Vân²

¹Trường ĐH An ninh nhân dân,

²Trường ĐH Văn hóa TP.HCM

TÓM TẮT

Trong lịch sử phong kiến Việt Nam, triều Trần được xem là một trong những triều đại thành công rực rỡ nhất trong lịch sử chống giặc ngoại xâm, xây dựng và phát triển đất nước. Những thành tựu này gắn liền với các vị vua đầu triều Trần, trong đó có Trần Nhân Tông (1258 - 1308). Trong 15 năm (1278 - 1293) trị vì, kế tục sự nghiệp của cha ông, Trần Nhân Tông thi hành chính sách khoan hoà, thân dân, đối với quần thần như tay chân, vỗ về muôn dân như con, nhẹ hình phạt, giảm thuế khoá, thưởng phạt nghiêm. Sử gia khen ngợi ông là một vị vua hiền của triều Trần. Trần Nhân Tông là một vị vua anh hùng, Phật hoàng và là nhà văn hoá lớn của dân tộc. Bài viết tập trung phân tích các chính sách xây dựng xã hội công bằng, ổn định, bình đẳng của Trần Nhân Tông từ đó gợi mở một số chính sách góp phần bảo đảm an ninh con người trong quá trình xây dựng “cơ đồ” của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Từ khoá: An ninh con người, Công bằng, Ổn định xã hội, Trần Nhân Tông

ABSTRACT

In Vietnamese feudal history, the Tran Dynasty is considered one of the most successful dynasties in history in fighting foreign invaders, building and developing the country. These achievements are associated with the first kings of the Tran Dynasty, including Tran Nhan Tong (1258 - 1308). During his 15-year reign (1278 - 1293), inheriting the career of his father and grandfather, Tran Nhan Tong implemented a policy of tolerance, closeness to the people, treating subjects as limbs and comforting everyone like children, reducing penalties, taxes and harsh rewards and punishments. Historians praise him as a gentle king of the Tran Dynasty. Tran Nhan Tong was a heroic king, a Buddha, and a great cultural figure of the nation. The article focuses on analyzing Tran Nhan Tong's policy on building a justice, stable and equal society, thereby proposing a number of policies that contribute to ensuring human security in the process of building the country's great career in the current period.

Keywords: Human security, Justice, Social stability, Tran Nhan Tong

*Tác giả liên hệ: leminhdhan@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Việt Nam bước vào thời kỳ mới, thời kỳ hoà bình, hội nhập và phát triển trong bối cảnh: “Tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.109), tác động rất lớn đến sự nghiệp xây dựng một đất nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng và cũng là thách thức lớn đối với mục tiêu bảo đảm an ninh con người - nhân tố quan trọng “đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.123). Do đó, để an ninh con người được bảo đảm toàn diện, việc thiết lập một xã hội công bằng, bình đẳng, ổn định là một trong những điều kiện tiên quyết. Vì vậy, bên cạnh việc tìm kiếm những giải pháp từ thực tiễn đặt ra, việc khảo cứu những bài học từ quá khứ, trong đó có bài học về xây dựng xã hội công bằng, ổn định, bình đẳng của Trần Nhân Tông, từ đó gợi mở những chính sách bảo đảm an ninh con người ở Việt Nam hiện nay là việc làm có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Dẫu biết rằng, xu thế lịch sử là không thể đảo ngược, những bài học từ quá khứ dù còn nhiều hạn chế nhưng cũng đã “gợi mở cho chúng ta nhiều suy nghĩ về mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, giữa cái đã qua và cái đang đến trong một dòng chảy lịch sử không phân chia” (Trương Văn Chung, Doãn Chính, 2008, tr.40).

2. Nội dung

2.1. Đôi nét về Trần Nhân Tông

Trần Nhân Tông (07/12/1258 - 16/11/1308) tên húy là Khâm, là vị vua anh minh, anh hùng dân tộc, một tác giả văn học, đồng thời là một lãnh tụ tôn giáo.

Tương truyền rằng khi mới sinh, Trần Nhân Tông “được tinh anh thánh nhân, thuần túy đạo mạo, sắc thái như vàng, thể chất hoàn hảo, thần khí tươi sáng. Hai cung đều cho là lạ, gọi là Kim Tiên đồng tử. Trên vai bên trái có nốt ruồi đen, cho nên có thể cáng đáng được việc lớn” (Hoàng Văn Lâu, 2004, tr.204).

Trần Nhân Tông lên ngôi vua năm 20 tuổi, “Mùa đông, tháng 10, ngày 22 năm Mậu Dần (1278), niên hiệu Bảo Phù năm thứ 6, vua nhường ngôi cho thái tử Khâm” (Đại Việt sử ký toàn thư, 1998, tr.43). Trần Nhân Tông từ nhỏ đã đam mê Phật giáo, đã có lúc, vua tự ra khỏi Kinh thành vào núi Yên Tử đi tu, bỏ lại đằng sau Hoàng tộc và ngôi vị cao quý. Thái hậu biết chuyện đã thuật lại với vua Thánh Tông. Vua Thánh Tông liền sai quần thần đốc thúc đi tìm, bắt đắc dĩ vua phải trở về. Vua cai quản đất nước với biết bao công việc nhưng “mỗi khi nhàn rỗi, thường chiêu tập khách Thiền giảng giải Thiền tông”. Bên cạnh đó dưới sự chỉ bảo của Tuệ Trung Thượng sĩ, là anh cả của Hoàng hậu Nguyễn Thánh Thiên Cảm, thân mẫu của Trần Nhân Tông, hướng dẫn Trần Nhân Tông nghiên cứu Phật học. Cho nên, Trần Nhân Tông hiểu sâu sắc tinh túy của Thiền tông. Trần Nhân Tông có niềm tin nhiệt thành với Phật giáo, thậm chí gần như si mê. Sau hai cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên (lần thứ hai 1285 và thứ ba 1288) thắng lợi, năm 1293, vua Trần Nhân Tông nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông “Quý ty, Trùng Hưng năm thứ 9 (1293). Mùa xuân, tháng 3, ngày mồng 9, vua nhường ngôi cho hoàng thái tử Thuyên” (Đại Việt sử ký toàn thư, 1998, tr.69). “Kỷ Hợi, niên hiệu Hưng Long năm thứ 7 (1299). Tháng 8, Thượng hoàng từ phủ Thiên Trường lại xuất gia vào núi Yên Tử tu khổ hạnh” (Đại Việt sử ký toàn thư,

1998, tr.77), chính thức xuất gia, lấy pháp hiệu là Trúc Lâm đại sĩ, còn xưng là Hương Vân đại đầu đà. “Ông tinh cần tu 12 hạnh đầu đà (Thập nhị đầu đà) tự xưng là Hương Vân đại đầu đà, khai pháp độ tăng, đồ đệ đều rất đông”.

Từ năm 1299, mở ra một giai đoạn mới trong cuộc đời Đức vua Trần Nhân Tông - Phật hoàng, và cũng thời điểm bắt đầu cho sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử - *một dòng thiền mang bản sắc riêng của Đại Việt*. Trần Nhân Tông trở thành vị tổ thứ nhất của Thiền phái Trúc Lâm. *Văn bia Thanh Mai Viên Thông tháp bi* (Bia tháp Viên Thông chùa Thanh Mai) ở Nam Sách, Hồng Lộ, nay thuộc xã Hoàng Hoa Thám, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã cho thấy sự phát triển sâu rộng của Phật giáo. Bia khắc niên phả vị Tổ thứ hai của Thiền phái Trúc Lâm là Đồng Kiên Cương, pháp danh Pháp Loa. Nội dung văn bia còn là một biên niên lịch sử Phật giáo, những sinh hoạt tín ngưỡng Phật giáo của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử thời Trần. Đặc biệt, văn bia *Thanh Mai Viên Thông tháp bi* còn cho biết vai trò của vua Trần Nhân Tông khi là Điều Ngự Đầu Đà, Phật Hoàng trong hoạt động thuyết pháp, giảng kinh khắp nơi trong nước. Trần Nhân Tông thường xuyên đi các địa phương giảng dạy Phật pháp (Thích Đức Thiện, Đinh Khắc Thuân, 2016, tr.163-164).

Như vậy, lịch sử cho thấy, dù ở cương vị là nhà vua lãnh đạo đất nước hay bậc thiền sư lỗi lạc, Trần Nhân Tông luôn hoàn thành xuất sắc vai trò của mình. Ông để lại nhiều tư tưởng có giá trị tốt đẹp, trong đó sợi chỉ đỏ xuyên suốt, nhất quán là sự hài hoà giữa tinh thần hướng thiện của đạo Phật và mong muốn giúp đời, cố kết lòng dân, tạo lập một xã hội công bằng, bình đẳng và ổn định.

2.2. Chính sách xây dựng xã hội công bằng, bình đẳng, ổn định của Trần Nhân Tông

Trong lịch sử vương triều Trần, giai đoạn vua Trần Nhân Tông (trị vì 1278 - 1293) được xem là một trong những giai đoạn phát triển thịnh vượng nhất thời “thịnh Trần”. Cũng giống như các đời cha, ông đi trước, Trần Nhân Tông luôn quan tâm, chăm lo đời sống nhân dân, thực hiện khoan thư sức dân, giảm tô thuế, cứu trợ dân nghèo... với mong muốn xây dựng một xã hội ổn định, công bằng, bình đẳng. Để hiện thực hoá mong muốn đó, Trần Nhân Tông đã đề ra một số chính sách cơ bản như sau:

Thứ nhất, đoàn kết, tập hợp quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh chống quân xâm lược, bảo vệ lãnh thổ và nền hoà bình cho nhân dân

Trong thời gian đầu mới trị vì, đất nước đang bị đe dọa bởi ngoại bang, Trần Nhân Tông dù quan tâm đến Phật giáo từ nhỏ, nhưng vấn đề đầu tiên ông hướng đến giải quyết là bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ và nền độc lập của Tổ quốc. Theo đó, sách lược tổng quát để có thể chiến thắng trong cuộc chiến đấu với kẻ thù, Trần Nhân Tông đã thực hiện nền quốc phòng toàn dân, huy động mọi tiềm lực cho cuộc chiến đấu chống quân xâm lược. Điều này đã được thể hiện trong hai cuộc chiến tranh chống lại quân xâm lược Mông - Nguyên. Trong hai cuộc kháng chiến, Trần Nhân Tông đã huy động được lòng yêu nước, ý chí chống kẻ thù của mọi người dân Đại Việt, không phân biệt thành phần xã hội, tuổi tác, tôn giáo. Trong các đội quân tiến đánh quân Mông - Nguyên thời kỳ này có những người thuộc dòng dõi thần vương như Trần Quang Khải, Trần Hưng Đạo. Đồng thời, cũng có những người có nguồn gốc dân thường như Phạm Ngũ Lão, Nguyễn

Khoái, và cả những người mang thân phận gia nô như Yết Kiêu, Dã Tượng; có những người còn rất trẻ như Trần Quốc Toản, nhưng cũng có cả những vị bô lão tham gia Hội nghị Diên Hồng, có những người thuộc dân tộc thiểu số như Hà Đặc, Hà Chương, cũng có những đạo sĩ ngoại quốc như Hứa Tông Đạo, thậm chí có những người là tướng lĩnh của kẻ thù như Trương Hiến,... Như vậy, Trần Nhân Tông đã tập hợp, đoàn kết được đông đảo mọi tầng lớp nhân dân trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù, “tinh thần đoàn kết toàn dân được truyền đạt đến tận thôn xóm, trăm họ đều một lòng đánh giặc” (Vũ Văn Quân, 2019, tr.148). Đây được xem là thứ vũ khí có sức công phá vô biên, một thế trận vững chắc trong mọi cuộc chiến vệ quốc - *thế trận lòng dân*. Để đạt được điều đó, trước hết phải xuất phát từ một chính sách đoàn kết dân tộc đúng đắn.

Thứ hai, đặt lợi ích của nhân dân lên cao hơn tất cả các lợi ích khác

Tư tưởng về một xã hội công bằng, ổn định, bình đẳng của vua Trần Nhân Tông, ngoài chính sách đoàn kết dân tộc, người lãnh đạo đất nước còn đặt lợi ích của cấp dưới, lợi ích của nhân dân lên cao hơn tất cả các lợi ích khác và đưa toàn thể dân tộc vào một mục tiêu đấu tranh chính nghĩa chung là đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc. Trong bài hịch gửi tướng lĩnh và binh sĩ, Trần Hưng Đạo đã thay lời Trần Nhân Tông nói rõ điểm này “Các người ở lâu dưới trướng, nắm giữ binh quyền, không có áo mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm, quan thấp thì ta thăng tước, lộc ít thì ta cấp lương, đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa, lúc ra quân thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà thì cùng nhau vui cười. So với Công Kiên đãi đám tỳ tướng, Ngột Lang

đãi kẻ phụ tá, nào có kém gì?” (Trần Nguyên Việt, 2004, tr. 222-223). Bài hịch đã vạch ra sự thống nhất quyền lợi giữa người lãnh đạo đất nước và người dân bình thường. Đây chính là cơ sở để xây dựng một xã hội công bằng, ổn định, bình đẳng. Mọi người đều thấy mình có cùng chung một quyền lợi để chia sẻ và do đó phải cùng nhau bảo vệ. Sự tồn tại của quyền lợi người này là điều kiện và tiền đề để cho quyền lợi người khác tồn tại. Quan hệ biện chứng giữa nghĩa vụ và quyền lợi này đã xây dựng nên ý thức về việc cùng chung một đất nước, một cộng đồng để yêu mến. Và thực tế, yêu nước chính là yêu gia đình, cha mẹ, vợ con mình, là yêu phần mộ tổ tiên mình, là yêu không gian sông núi, đất trời nơi mình đang sinh sống.

Thứ ba, chăm lo đời sống để an dân

Để xây dựng một xã hội công bằng, ổn định, bền vững, Trần Nhân Tông đã tạo mọi điều kiện có thể để người dân sớm ổn định cuộc sống. Trong mọi điều kiện, nhà vua đều tìm cách để hạn chế sự tiêu hao sức lực, tiền của và tài sản của người dân. Khi hòa bình lập lại, để sớm ổn định đời sống cho dân, Trần Nhân Tông đã thông qua chính sách hành chính, thực hiện hàng loạt các biện pháp nhằm mục tiêu phát triển kinh tế, ổn định xã hội, phục hưng văn hóa, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Vua đã có biện pháp phát triển đồng bộ nông nghiệp, thương nghiệp và thủ công nghiệp nhằm tạo cái ăn, cái mặc cho người dân; giải quyết những vấn đề xã hội về tội phạm, về những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, tạo nên một cuộc sống quan hệ xã hội hài hòa, ổn định. Cụ thể: Trong lĩnh vực nông nghiệp, một trong những biện pháp tiêu biểu để ổn định cuộc sống người dân sau chiến tranh là miễn, giảm tô thuế. Ngay khi hòa bình lập lại, Trần Nhân Tông đã sớm công bố lệnh miễn, giảm tô

thuế tạp dịch cho những vùng đã trải qua chiến tranh và những vùng liên quan. “Mùa hạ, tháng 4 (1288), Thượng hoàng ngự ở hành lang Thị vệ [...], đại xá thiên hạ. Những nơi bị binh lửa, cướp phá thì miễn giảm theo mức độ khác nhau” (Đại Việt sử ký toàn thư, 1998, tr.62). Cùng với miễn giảm thuế cho người dân, nhằm động viên tinh thần quân sĩ, Trần Nhân Tông cho họp để định công ban thưởng với những người đã tham gia dẹp giặc Nguyên. Bên cạnh đó, cùng với việc ban thưởng, Trần Nhân Tông đã tùy theo nặng nhẹ mà xử trị những người đầu hàng giặc.

Mục đích của những việc làm này là giảm gánh nặng cho dân, khuyến khích người dân khôi phục kinh tế, sớm ổn định đời sống và cũng cho thấy tinh thần nhân văn, độ lượng của vua Trần Nhân Tông đối với một bộ phận người đã lầm lỡ, hơn nữa, nó chứng tỏ một đường lối chính trị nhân đạo để ổn định đất nước sau chiến tranh, làm cho mọi người cảm thấy yên tâm lao động, xây dựng đất nước. Như vậy, với việc miễn, giảm thuế cho thấy Trần Nhân Tông là một vị vua nhân từ, luôn chăm lo đời sống của người dân, phấn đấu xây dựng một xã hội công bằng, ổn định, bình đẳng.

Thứ tư, ban hành nhiều chính sách để hướng tới xây dựng một xã hội hài hòa, công bằng, ổn định, nhân văn

Để hướng tới xây dựng một xã hội hài hòa, ổn định, Trần Nhân Tông luôn ban hành các chính sách có tầm nhìn xa trông rộng, thể hiện tính nhân văn nhằm đảm bảo sự công bằng cho nhân dân. Chẳng hạn như: ông rất quan tâm đến hình án xử oan sai, để tâm đến thân phận người dân bình thường và giành cho họ sự bình đẳng trước pháp luật. Việc quyết định minh oan cho người dân có thân phận thấp, chứng tỏ Trần Nhân Tông rất thông tuệ, có lòng

trung hậu, thương dân, xứng đáng được người dân quý mến và tôn vinh là bậc minh quân. Không chỉ ban hành các chính sách đem lại sự công bằng nhiều nhất cho dân, ngay trong hành động hằng ngày của mình, Trần Nhân Tông cũng có những việc làm thể hiện tinh thần trọng dân, đoàn kết nhân dân. Mặt khác, với tầm nhìn xa trông rộng, xuất phát từ tư tưởng lấy dân làm gốc, tránh những lãng phí về kinh tế ảnh hưởng đến đời sống nhân dân, Trần Nhân Tông đã chỉ ra những nguy hại của một bộ máy hành chính công kênh đối với nhân dân. Như vậy, với tinh thần thương dân sâu sắc, Trần Nhân Tông cho rằng, Nhà nước phải có trách nhiệm chăm lo, đảm bảo lợi ích cho người dân, việc dân sự hóa bộ máy hành chính là cần thiết, tuy nhiên ông dứt khoát không để bộ máy này trở nên công kênh, bòn rút tiền của, sức lực của dân. Hơn nữa, mong muốn “an dân” của Trần Nhân Tông còn thể hiện trong quan hệ bang giao. Ông đã chủ động thắt chặt mối quan hệ bang giao với Chiêm Thành, lại gả con gái Huyền Trân cho vua Chiêm, thắt chặt tình hữu nghị hai nước, để quốc thái dân an không còn cảnh khói lửa chiến tranh, nhân dân phiêu tán.

Thứ năm, vua Trần Nhân Tông phát triển mạnh mẽ tư tưởng “Thiền” để hướng tới xây dựng một xã hội bình đẳng, bác ái, thống nhất toàn dân

Sau khi giúp dân, giúp nước đánh bại quân xâm lược, thoát khỏi cảnh binh đao, đao tạo được người kế nghiệp, Trần Nhân Tông đã dứt khoát từ bỏ cuộc sống vương giả, đi tìm sự chính yếu của đạo Phật. Việc làm này của ông là có chủ ý “Trăm năm lòng nói với lòng”, thỏa ý nguyện bấy lâu của cá nhân ông nhưng cũng thể hiện tầm nhìn của một nhà chính trị. Dưới góc độ cá nhân, việc Trần Nhân Tông rời bỏ ngai

vàng, thật tâm đến với “Thiền”, với giáo lý nhà Phật để hiểu thêm về con người, vạn vật, để làm sáng tỏ thêm tình thương rộng lớn, dần dần xóa bỏ sự phân biệt đẳng cấp xã hội, để cho nhân loại sống bình đẳng, bác ái đã cho thấy ý thức nhân văn, tư tưởng “thân dân” sâu sắc của ông. Bản thân ông khi tìm hiểu về “Thiền”, thực hành “Thiền” luôn ung dung tự tại, luôn thể hiện tinh thần “cư trần lạc đạo” đã phần nào chứng tỏ lý tưởng truy cầu sự bình đẳng, bác ái là xuất phát từ mong muốn “Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”, lấy tâm làm gốc, thành Phật ngay trong tự tâm, nên ngộ tâm là điều thiết yếu. Với tư tưởng Phật giáo nhập thế, Trần Nhân Tông trước và sau khi chính thức xuất gia luôn đồng hành cùng những bước thăng trầm của dân tộc, với những nỗi khổ lạc của nhân dân. Thực tế, việc ông xuất gia, sáng lập “Thiền phái Trúc Lâm”, tuyên truyền giáo lý nhà Phật vừa là lý tưởng tu hành của cá nhân, đồng thời nó lại phục vụ đắc lực cho việc xây dựng và thống nhất ý thức hệ trong toàn dân, từ đó có kết nhân tâm, củng cố khối đoàn kết dân tộc” (Nguyễn Kim Sơn, 2017, tr.36).

2.3. Bài học lịch sử về chính sách xây dựng xã hội công bằng, bình đẳng, ổn định của Trần Nhân Tông và gợi mở chính sách bảo đảm an ninh con người Việt Nam hiện nay

Hiện nay, vấn đề an ninh con người đang thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều học giả, chính trị gia, nhà nước, tổ chức quốc tế và khu vực. Các nhà nghiên cứu đưa ra các quan niệm về an ninh con người hay an ninh, an toàn của con người được hiểu khá tương đồng với nhau. Theo Báo cáo phát triển con người của Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) năm 1994, đã đề cập một cách khá toàn

diện đến khái niệm “an ninh con người”. Theo báo cáo này: “An ninh con người có nghĩa là an toàn thoát khỏi các mối đe dọa về đói nghèo, bệnh tật, tội phạm, sự đàn áp. Nó cũng có nghĩa bảo vệ khỏi sự đe dọa có hại và bất ngờ trong mẫu hình của đời sống hằng ngày tại gia đình, trong công việc, trong cộng đồng hay trong môi trường của chúng ta” (Trần Việt Hà, 2020, tr.171).

Để đưa đất nước tiến lên, hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới trong những năm tiếp theo, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 gắn với hai sự kiện trọng đại: 100 năm thành lập Đảng (1930 - 2030), 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1945 - 2045). Xuất phát từ tầm vóc và ý nghĩa quan trọng đó, trên cơ sở mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, định hướng phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 đã được xác định thông qua 12 định hướng cơ bản. Trong đó, Đảng ta đặc biệt nhấn mạnh đến công tác bảo đảm an ninh con người, xem đây là nhân tố quan trọng “đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.123) phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước”.

Để hoạch định cơ chế, chính sách bảo đảm an ninh con người có hiệu quả, bên cạnh xuất phát từ hiện thực khách quan, việc khảo cứu những bài học từ lịch sử hào hùng của dân tộc có vai trò quan trọng và thể hiện được truyền thống “trao truyền, tiếp nối” giữa quá khứ với hiện tại. Từ nghiên cứu lý luận về tư tưởng công bằng, bình đẳng, ổn định xã hội của Trần Nhân Tông cho thấy, tư tưởng của ông đã để lại những bài học kinh nghiệm quý báu cho việc

hoạch định chính sách bảo đảm an ninh con người trong những năm tiếp theo như sau:

Một là, trong mọi hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn phải quán triệt bài học “lấy dân làm gốc”. Tư tưởng này trở thành bài học to lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12/1986), Đảng ta khẳng định: “... trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”. Bài học ấy đã trở thành phương châm hành động, thành mục tiêu và là một đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta đang phấn đấu xây dựng (Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991, tr.10). Do đó, để bảo đảm an ninh con người phải hết sức phục vụ nhân dân. Lo cho dân phải lo từng cái ăn, cái mặc. Việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm dù có phải tốn kém bao nhiêu. Nghiêm trị những kẻ tham quan sách nhiễu dân chúng.

Hai là, Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo toàn dân tiến hành công cuộc cải cách, đổi mới toàn diện đất nước nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”. Để đạt được mục tiêu ấy, không chỉ cần một Đảng lãnh đạo sáng suốt, một bộ máy nhà nước hoạt động hiệu quả, một khối đại đoàn kết toàn dân quyết tâm theo đuổi mục tiêu mà còn cần đảm bảo đạt mức tăng trưởng kinh tế cao để tạo cơ sở vật chất thực hiện an sinh xã hội công bằng. An ninh con người không thể được bảo đảm trong nền kinh tế ở trình độ phát triển thấp kém (suy thoái, thiếu hụt, khủng hoảng...) và người dân còn nhiều vấn đề phải lo toan về những nhu cầu cơ bản hàng ngày của cuộc sống (như ăn, mặc, ở, đi lại, được chăm sóc sức khỏe, được giáo dục cơ bản và được hưởng thụ

các dịch vụ cần thiết khác). Nếu không có tăng trưởng kinh tế thì không thể có công bằng xã hội lâu dài và vì vậy không thể phát triển bền vững được. Giải quyết nhiệm vụ này, việc khảo cứu lại mô hình kinh tế - xã hội triều Trần, đặc biệt triều vua Trần Nhân Tông là hết sức cần thiết. Điều này sẽ góp phần không nhỏ cho việc tham khảo, tổng kết kinh nghiệm để phát triển kinh tế và bảo đảm an ninh con người, an ninh xã hội.

Ba là, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bảo đảm tốt an ninh chính trị

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi con người là vốn quý nhất, xác định phát triển con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng, là nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp cách mạng. Phát triển toàn diện con người Việt Nam, điểm mấu chốt là ở Đảng. Cần phải phát huy đầy đủ vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng, tạo ra sự đảm bảo và vững mạnh về mặt chính trị để đảm bảo mọi quyền lợi trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Do đó, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước chính là phát huy quyền làm chủ của nhân dân, để bảo đảm an ninh con người. Như vậy, tiếp tục làm tốt công tác xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; làm lành mạnh các quan hệ xã hội đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; chủ động đối phó với các nguy cơ làm mất ổn định chính trị như khủng bố, nguy cơ xung đột về nguồn nước, an ninh lương thực... là tạo điều kiện chính trị tốt nhất để bảo đảm an ninh con người, tạo điều kiện thuận lợi cho con người phát triển toàn diện.

Bốn là, quản lý tốt xã hội, ngăn chặn và đẩy lùi tệ nạn tham nhũng đã và đang trở thành vấn nạn trong xã hội hiện nay. Với ảnh hưởng của xu hướng khu vực hóa, toàn cầu

hóa và nền kinh tế thị trường ở nước ta, tệ tham nhũng đã được báo động như một quốc nạn nên việc tìm hiểu, nghiên cứu phương pháp chống tham nhũng thời xưa nhằm rút ra những bài học cho công tác chống tham nhũng ngày nay là rất cần thiết. Muốn làm được như vậy cần phải xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và thống nhất. Pháp luật phải kết hợp cả sự nghiêm khắc và sự khoan dung. Thực tiễn đã chỉ ra rằng: “những người gian lận có nhiều cơ hội thắng tiến hơn trong cuộc sống, vì vậy cần phải đưa nội dung chống tham nhũng vào trong hệ thống chính sách thực hiện an sinh xã hội” (Hà Hồng Hà, 2017, tr.67).

Năm là, trong hoạch định chính sách bảo đảm an ninh con người vĩ mô phải giải quyết từng bước, vững chắc, đồng bộ cả hai mục tiêu tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an ninh con người. Nâng cao hiệu quả chính sách vĩ mô để đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, Chính phủ cần phải lựa chọn mô hình thực hiện bảo đảm an ninh con người phù hợp, tránh việc thực hiện các chính sách đầu tư lệch lạc, quá ưu tiên khu vực, ngành này mà xem nhẹ các ngành, các khu vực khác, nhất là khu vực nông thôn và nông nghiệp sẽ làm cho nền kinh tế phát triển mất cân đối, gây hiểm họa cho việc phát triển dài hạn. Do đó, nhà nước phải có chính sách rút ngắn khoảng cách, thu hẹp sự khác biệt giữa nông thôn với thành thị nhằm hạn chế khoảng cách giàu - nghèo, giảm bớt tình trạng bất bình đẳng xã hội. Thông qua một cơ chế tái phân phối phần của cải được tạo ra để đảm bảo hài hòa về xã hội có thể là một ví dụ tham khảo.

Sáu là, đẩy mạnh việc học tập, rèn luyện đạo đức cách mạng, vai trò nêu gương nhất là đối với lãnh đạo, cán bộ quản lý trong xây dựng chính sách bảo đảm an ninh con người; đào tạo và sử dụng những

cán bộ quản lý có năng lực, không bị chi phối bởi các nhóm áp lực chính trị và được trao quyền để thực hiện những sáng kiến. Đồng thời, đẩy mạnh hơn nữa công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực của đội ngũ hoạch định chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trung và dài hạn.

3. Kết luận

Việt Nam đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh” khi mà dưới tác động của nền kinh tế thị trường và mở cửa hội nhập đã bộc lộ những thiếu sót, khuyết điểm trong công tác thực hiện chính sách bảo đảm an ninh con người trong thời gian qua. Xu thế lịch sử là không thể đảo ngược. Song, những bài học do quá khứ để lại, trong đó có bài học về xây dựng xã hội hài hòa, ổn định, công bằng như là những tiền đề thành công của sự nghiệp đổi mới đất nước, về ổn định chính trị... Những bài học từ quá khứ dù còn nhiều hạn chế nhưng cũng đã “gợi mở cho chúng ta nhiều suy nghĩ về mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, giữa cái đã qua và cái đang đến trong một dòng chảy lịch sử không phân chia” (Trương Văn Chung, Doãn Chính, 2008, tr.40). Do đó, phải biết “đãi cát tìm vàng”, “gạn đục khơi trong” từ kho tàng lịch sử tư tưởng nước nhà, ở đó có tư tưởng xây dựng một xã hội công bằng, ổn định xã hội, bình đẳng của Trần Nhân Tông. Dù đây không phải là nội dung mới trong tư tưởng Việt Nam nhưng đó là một sự kế thừa - một phương pháp trị nước nối tiếp các thế hệ trước và gợi mở ra nhiều hướng đi mới cho các giai đoạn tiếp theo để tìm ra sức mạnh và bản lĩnh của dân tộc ta với phương châm “chẳng phải ở đâu, mà chính từ trong quá khứ của mình” (Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, 1997, tr.9).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đại Việt sử ký toàn thư*. (1998). tập 1. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (1991). *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Hà Nội: Nxb Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. tập 1. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật.
- Hà Hồng Hà. (2017). *Tham nhũng, mưu mô và trừng phạt*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật.
- Hoàng Văn Lâu (dịch). (2004). *Đại Việt sử ký toàn thư*. tập 2. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.
- Nguyễn Kim Sơn. (2017). *Trần Nhân Tông thiền lạc thi hứng*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia.
- Thích Đức Thiện - Đinh Khắc Thuân (Chủ biên). (2016). *Thanh Mai Viên Thông tháp bi trong Văn bia thời Trần*. Hà Nội: Nxb Văn hoá dân tộc.
- Trần Nguyên Việt (Chủ biên). (2004). *Lịch sử tư tưởng Việt Nam văn tuyển: Từ tưởng Việt Nam thời kỳ Trần - Hồ*. tập 2. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia.
- Trần Việt Hà (2020). *An ninh con người trong bối cảnh toàn cầu hoá*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật.
- Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Viện Triết học, Lê Sỹ Thắng. (1997). *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*. tập 2. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.
- Trương Văn Chung - Doãn Chính (Đồng chủ biên). (2008). *Tư tưởng Việt Nam thời Lý - Trần*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia.
- Vũ Văn Quân (Chủ biên). (2019). *Vương triều Trần 1226 - 1400*. Hà Nội: Nxb Hà Nội.

Ngày nhận bài: 20/4/2024

Ngày chấp nhận đăng: 02/8/2024